A white rectangular frame with black border

Description automatically generated

BỘ LAO ĐỘNG THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

TRƯỜNG CAO ĐẲNG FPT POLYTECHNIC

------------oOo-----------

A logo of a company

Description automatically generated

BÁO CÁO DỰ ÁN MẪU

Đề tài:

TÊN ĐỀ TÀI

Giáo viên hướng dẫn: Ta Van Dinh

Sinh viên thực hiện : Nguyễn Tiến Huy – PH52807

Lớp : WD19310 - Dự án mẫu (TKTW)

HÀ NỘI, 08/2024

LỜI CẢM ƠN

Chúng tôi xin chân thành cảm ơn Trường và Bộ môn Công nghệ Thông tin đã tạo điều kiện thuận lợi để tôi thực hiện dự án này. Sự hỗ trợ tận tình và định hướng quý báu từ quý thầy cô đã giúp tôi vượt qua mọi thử thách và hoàn thành dự án một cách tốt nhất. Những chỉ dẫn và khuyến khích từ quý vị không chỉ là nguồn động viên lớn lao mà còn là động lực để tôi đạt được thành công trong công việc này. Một lần nữa, xin trân trọng cảm ơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

Hà Nội, ngày 20 tháng 07 năm 2024

**Sinh viên thực hiện**

**Huy**

**Nguyễn Tiến Huy**

# MỤC LỤC

[LỜI CẢM ƠN 0](#_heading=h.gjdgxs)

[MỤC LỤC 1](#_heading=h.30j0zll)

[DANH MỤC HÌNH VÀ BẢNG 3](#_heading=h.1fob9te)

[DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT – THUẬT NGỮ 4](#_heading=)

[MỞ ĐẦU 4](#_heading=h.2et92p0)

[CHƯƠNG 1: KHẢO SÁT HỆ THỐNG 5](#_heading=h.3dy6vkm)

[1.1. Lý do chọn đề tài 6](#_heading=)

[1.2. Mục tiêu của đề tài 6](#_heading=h.17dp8vu)

[1.3. Các công cụ và công nghệ sử dụng 6](#_heading=h.3rdcrjn)

[1.4. Kết quả dự kiến đạt được 6](#_heading=)

[CHƯƠNG 2: PHÂN TÍCH THIẾT KẾ 6](#_heading=h.26in1rg)

[2.1. Phân tích Use Case 7](#_heading=h.1ksv4uv)

[2.1.1. Các tác nhân của hệ thống 7](#_heading=h.44sinio)

[2.1.2. Biểu đồ Usecase tổng quát 8](#_heading=)

[2.1.3. Biểu đồ Use Case phân rã 9](#_heading=)

[2.2. Biểu đồ hoạt động 9](#_heading=h.1ci93xb)

[2.2.1. Biểu đồ phân tích chức năng đăng nhập 10](#_heading=)

[CHƯƠNG 3: THIẾT KẾ HỆ THỐNG 10](#_heading=h.3whwml4)

[3.1. Thiết kế giao diện Admin 11](#_heading=h.2bn6wsx)

[3.2. Thiết kế giao diện Client 11](#_heading=)

[3.3. Thiết kế cơ sở dữ liệu 11](#_heading=h.7ftmoonny57z)

[3.3.1. Chi tiết cơ sở dữ liệu 11](#_heading=h.1pxezwc)

[3.3.1.1. Bảng tbluser – người dùng 12](#_heading=h.49x2ik5)

[3.3.1.2. Bảng tbrole – vai trò người dùng 12](#_heading=h.2p2csry)

[CHƯƠNG 4: KIỂM THỬ - TRIỂN KHAI HỆ THỐNG 13](#_heading=)

[4.1. Kiểm thử hệ thống 13](#_heading=h.3o7alnk)

[4.2. Triển khai hệ thống 13](#_heading=h.23ckvvd)

[KẾT LUẬN 13](#_heading=h.ihv636)

[Thời gian phát triển dự án 14](#_heading=h.32hioqz)

[Mức độ hoàn thành dự án 14](#_heading=h.1hmsyys)

[Những khó khăn rủi ro gặp phải và cách giải quyết 14](#_heading=h.41mghml)

[Kế hoạch phát triển trong tương lai 14](#_heading=)

[TÀI LIỆU THAM KHẢO 14](#_heading=h.vx1227)

DANH MỤC HÌNH VÀ BẢNG

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT – THUẬT NGỮ

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| STT | Viết tắt – thuật ngữ | Giải thích |
| 1 | Designer | Người chịu trách nghiệm thiết kế giao diện cho website. |
| 2 | Back-end  developer | Người xử lý mọi logic nghiệp vụ phức tạp ở ẩn phía sau, giúp hệ thống hoạt động trơn tru. |
| 3 | CSDL | CSDL (Cơ sở dữ liệu) là một hệ thống tổ chức và quản lý thông tin, giúp lưu trữ, truy xuất và quản lý dữ liệu một cách hiệu quả. |
| 4 | DEV | Developer là người tạo ra phần mềm, ứng dụng, hệ thống hoặc trang web bằng cách viết mã nguồn (code). |

MỞ ĐẦU

CHƯƠNG 1: KHẢO SÁT HỆ THỐNG

# 1.1 Lý do chọn đề tài

Trong bối cảnh phát triển nhanh chóng của công nghệ thông tin và thương mại điện tử, việc mua sắm trực tuyến đã trở thành một xu hướng phổ biến trên toàn thế giới. Các cửa hàng trực tuyến không chỉ mang lại sự tiện lợi cho người tiêu dùng mà còn mở ra những cơ hội kinh doanh rộng lớn cho các doanh nghiệp. Một trong những lĩnh vực thu hút nhiều sự quan tâm và phát triển mạnh mẽ là các sản phẩm và dịch vụ dành cho thú cưng. Việc chăm sóc và nuôi dưỡng thú cưng ngày càng được chú trọng, tạo điều kiện cho ngành này phát triển không chỉ vì tính tiện ích mà còn vì giá trị tinh thần cao. Chính vì vậy, tôi quyết định chọn đề tài xưởng thú cưng để nghiên cứu và phát triển, nhằm khai thác tiềm năng to lớn của thị trường này và mang lại những giải pháp tốt nhất cho người tiêu dùng yêu thú cưng.

# 1.2 Mục tiêu của đề tài

Dự án "Cửa Hàng Bán Thú Cưng Trực Tuyến" được triển khai với mục tiêu cung cấp một nền tảng mua sắm trực tuyến hiện đại và tiện lợi cho người tiêu dùng. Chúng tôi hướng đến việc xây dựng một trang web thân thiện với người dùng, tích hợp các tính năng tìm kiếm thông minh, bộ lọc sản phẩm đa dạng và quy trình thanh toán trực tuyến an toàn, dễ dàng. Qua đó, người tiêu dùng có thể trải nghiệm việc mua sắm các sản phẩm và dịch vụ cho thú cưng một cách nhanh chóng và thuận tiện nhất.

# 1.3. Các công cụ và công nghệ sử dụng

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| A logo with a colorful background  Description automatically generatedPhpStorm | A black and orange sign  Description automatically generatedGit | Google meet  A green circle with a white camera  Description automatically generated |
| Visual studio code A logo for a software company  Description automatically generated | A blue and white logo  Description automatically generatedWord | Laragon  A blue elephant with a white tusk  Description automatically generated |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| A blue and white logo  Description automatically generated Bootstrap | A blue oval with black text  Description automatically generatedPHP | A blue and orange logo  Description automatically generatedHTML & CSS |
| JAVASCRIPT |  |  |

# 1.4. Kết quả dự kiến đạt được

## - Phân tích thiết kế phần mềm

1.Xác định yêu cầu của đề tài

2.Thiết kế theo mô hình MVC(Model-View-Controller).

3.Thiết kế CSDL với các bảng mối quan hệ giữa chúng

# - Xây dựng thành công cơ sở dữ liệu

1.Tạo các bảng cần thiết ví dụ như: tai\_khoans, san\_phams, don\_hangs…

## - Thiết kế giao diện và phát triển Website

1.Đảm bảo việc tương tác của người dùng dễ dàng, thân thiện

2.Thích ứng với nhiều thiết bị và các loại máy

3.Triển khai website lên server

CHƯƠNG 2: PHÂN TÍCH THIẾT KẾ

# 2.1. Phân tích Use Case

## 2.1.1. Các tác nhân của hệ thống

### Bảng 2.1.1.1. Tác nhân hệ thống

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| STT | Tên Actor | Nhiệm vụ |
| 1 | Admin | Quản lí web |
| 2 | Khách hàng | Xem, tham khảo và mua hàng |

## 2.1.2. Biểu đồ Usecase tổng quát

Đây là biểu đồ usecase tổng quát của hệ thống, nó cho ta biết được những tác nhân của hệ thống đồng thời thể hiện được các chức năng chính mà hệ thống có.

## Bảng 2.1.2.1. Phân tích các Use Case của hệ thống

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| STT | Tên UseCase | Ý nghĩa/ ghi chú |
| 1 | Đăng nhập | Chức năng này để cán bộ quản lý và quản trị hệ thống có thể đăng nhập vào hệ thống, sử dụng toàn bộ chức năng. |
| 2 | Thao tác dữ liệu | Thao tác dữ liệu là chức năng giúp cán bộ quản lý có thể thêm, sửa, xóa, tìm kiếm dữ liệu |
| 3 | Quản lí sản phẩm | Theo dõi thông tin của sản phẩm(mã sản phẩm, mô tả, giá bán…),cập nhật thêm, sửa,xóa các loại sản phẩm mới, theo dõi và quản lý kho hàng. |
| 4 | Quản lý tài khoản | Cập nhật tài khoản cho khách hàng, nhân viên, nhà cung cấp, phân chia và cấp quyền cho mỗi tài khoản. |
| 5 | Quản lí bài viết | Tạo mới bài viết(tiêu đề, mục tiêu bài viết, nội dung, hình ảnh, nguồn thông tin...),ngoài ra còn có các chức năng thêm, sửa, xóa, cập nhật thông tin cho bài viết |
| 6 | Quản lí đơn hàng | Tạo mới đơn hang(mã đơn hàng, thông tin đơn hàng, trạng thái…)Ngoài ra còn có thể theo dõi và xử lý đơn hàng |
| 7 | Quản lí thông tin cá nhân | Bảo mật thông tin người dùng, ngoài ra người dùng có thể cập nhật thông tin(tên, địa chỉ, số điện thoại, email…) và thay đổi mật khẩu, xem lịch sử mua hàng |
| 8 | Mua hàng | Khách hàng có thể xem sản phẩm, tìm kiếm sản phẩm, xem chi tiết thông tin sản phẩm định mua, thêm vào giỏ hàng, chọn hình thức thanh toán, theo dõi trạng thái sản phẩm, đánh giá sản phẩm. |

#### 

### Hình 2.1.2.2. Biểu đồ Usecase tổng quát

## 2.1.3. Biểu đồ Use Case phân rã

A diagram of a diagram

Description automatically generated

### Hình 2.2.3.1. Biểu đồ Use Case phân rã chức năng đăng nhập

A diagram of a diagram

Description automatically generated

### Hình 2.2.3.2. Biểu đồ Use Case phân rã chức năng quản lí sản phẩm trong danh mục

A diagram of a diagram

Description automatically generated

### Hình 2.1.3.4. Biểu đồ Use Case phân rã chức năng thêm danh mục

A diagram of a diagram

Description automatically generated

### Hình 2.1.3.4. Biểu đồ Use Case phân rã chức năng trạng thái sản phẩm

A diagram of a diagram

Description automatically generated

### Hình 2.1.3.4. Biểu đồ Use Case phân rã chức thông tin sản phẩm

# 2.2. Biểu đồ hoạt động

## 2.2.1. Biểu đồ phân tích chức năng đăng nhập

A diagram of a flowchart

Description automatically generated

### Hình 2.2.1.1. Biểu đồ hoạt động chức năng đăng nhập, đăng kí

CHƯƠNG 3: THIẾT KẾ HỆ THỐNG

# 3.1. Thiết kế giao diện Admin

## 3.1.1. Trang đăng nhập

A screenshot of a login form

Description automatically generated

## 3.1.2.Trang sau khi đăng nhập

A white screen with black text

Description automatically generated

# 3.2. Thiết kế giao diện Client

## 3.2.1. Trang đăng nhập

A screenshot of a computer

Description automatically generated

## 3.2.2. Trang sau khi đăng nhập

A screenshot of a website

Description automatically generated

## 3.2.3. Giao diện khi chưa đăng nhập

A screenshot of a pet shop

Description automatically generated

# 3.3. Thiết kế cơ sở dữ liệu

A screenshot of a computer

Description automatically generated

### Hình 3.1 Tổng quan cơ sở dữ liệu

### 3.3.1. Chi tiết cơ sở dữ liệu

### 3.3.1.1. Bảng bình luận

### Bảng 3.3.1.1. Chi tiết bảng bình luận

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | Tên | Kiểu dữ liệu | Mô tả |
| 1 | id | Int(KEY) | Id của bình luận |
| 2 | san\_pham\_id | int | Id liên kết với bảng san\_phams |
| 3 | tai\_khoan\_id | int | Id liên kết với bảng tai\_khoans |
| 4 | Noi\_dung | Text | Nơi viết nội dung của bình luận |
| 5 | Ngay\_dang | date | Hiện ngày bình luận được đăng tải |
| 6 | Trang\_thai | tinyint | Trạng thái của bình luận |

## 3.3.1.2. Bảng chi tiết đơn hàng

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | Tên | Kiểu dữ liệu | Mô tả |
| 1 | id | Int(KEY) | Id của bảng chi\_tiet\_don\_hangs |
| 2 | Don\_hang\_id | int | Id liên kết với bảng don\_hangs |
| 3 | San\_pham\_id | int | Id liên kết với bảng san\_phams |
| 4 | Don\_gia | decimal | Thể hiện chi phí mà khách hàng phải trả cho mỗi đơn vị sản phẩm |
| 5 | So\_luong | int | Thể hiện số lượng sản phẩm |
| 6 | Thanh\_tien | decimal | Tổng hợp chi tiết chi phí của các sản phẩm đã mua |

### 

### 3.3.1.3. Bảng chi tiết giỏ hàng

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | Tên | Kiểu dữ liệu | Mô tả |
| 1 | id | Int(KEY) | Id của bảng chi\_tiet\_gio\_hangs |
| 2 | Don\_hang\_id | int | Id liên kết với bảng don\_hangs |
| 3 | San\_pham\_id | int | Id liên kết với bảng san\_phams |
| 4 | So\_luong | int | Thể hiện số lượng sản phẩm |

### 3.3.1.4. Bảng chức vụ

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | Tên | Kiểu dữ liệu | Mô tả |
| 1 | id | Int(KEY) | Id của bảng chuc\_vus |
| 2 | Ten\_chuc\_vu | Varchar(255) | Liệt kê các chức danh và vị trí công việc |

### 3.3.1.5. Bảng danh mục

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| 1 | id | Int(KEY) | Id của bảng danh\_mucs |
| 2 | Ten\_danh\_muc | Varchar(255) | Liệt kê các danh mục sản phẩm |
| 3 | Mo\_ta | Text | Cung cấp chi tiết thông tin về các mục cụ thể trong sản phẩm |

### 3.3.1.6. Bảng đơn hàng

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| 1 | id | Int(KEY) | Id của bảng don\_hangs |
| 2 | Ma\_don\_hang | Varchar(50) | Mã đơn hàng |
| 3 | Tai\_khoan\_id | int | Id liên kết với bảng tai\_khoans |
| 4 | Ten\_nguoi\_nhan | Varchar(255) | Liệt kê các thông tin của người nhận |
| 5 | Email\_nguoi\_nhan | Varchar(255) | Liệt kê các thông tin liên quan đến email của người nhận |
| 6 | Sdt\_nguoi\_nhan | Varchar(12) | Liệt kê thông tin về số điện thoại của người nhận |
| 7 | Dia\_chi\_nguoi\_nhan | Text | Liệt kê thông tin liên quan đến địa chỉ của người nhận |
| 8 | Ngay\_dat | date | Hiển thị thông tin ngày đặt hàng |
| 9 | Tong\_tien | decimal | Tổng hợp chi tiết các chi phí |
| 10 | Phuong\_thuc\_Thanh\_toan\_id | int | liên kết đến bảng Phuong\_thuc\_thanh\_toans |
| 11 | Ghi\_chu | Text | Ghi lại các thông tin quan trọng, nhắc nhở |
| 12 | Trang\_thai\_id | int | Liên kết đến bảng trang\_thais |

### 3.3.1.7. Bảng giỏ hàng

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| 1 | id | Int(KEY) | Id bảng gio\_hangs |
| 2 | Tai\_khoan\_id | int | Liên kết đến bảng tai\_khoans |

### 3.3.1.8. Bảng hình ảnh sản phẩm

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| 1 | id | Int(KEY) | Id bảng hinh\_anh\_san\_phams |
| 2 | San\_pham\_id | int | Liên kết đến bảng san\_pham\_id |
| 3 | Link\_hinh\_anh | Varchar(255) | Nơi dẫn các đường link ảnh |

### 3.3.1.9. Bảng phương thức thanh toán

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| 1 | id | Int(KEY) | Id bảng Phuong\_thuc\_thanh\_toans |
| 2 | Ten\_phuong\_thuc | Varchar(255) | Liệt kê các phương thức thanh toán |

### 3.3.1.10. Bảng sản phẩm

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| 1 | id | Int(KEY) | Id của bảng san\_phams |
| 2 | Ten\_san\_pham | Varchar(255) | Liệt kê các thông tin cơ bản về các sản phẩm |
| 3 | Gia\_san\_pham | decimal | Chi phí khách hàng phải trả để mua sản phẩm |
| 4 | Gia\_khuyen\_mai | decimal | Giá bán đặc biệt được áp dụng trong một khoảng thời gian giới hạn |
| 5 | Hinh\_anh | Varchar(255) | Hình ảnh minh họa về các sản phẩm |
| 6 | So\_luong | int | Quản lí và theo dõi số lượng sản phẩm |
| 7 | Luot\_xem | int | Theo dõi số lượng lượt xem |
| 8 | Ngay\_nhap | date | Hiển thị thông tin ngày nhập sản phẩm |
| 9 | Mo\_ta | decimal | Cung cấp thông tin chi tiết cho sản phẩm |
| 10 | Danh\_muc\_id | int | liên kết đến bảng danh\_mucs |
| 11 | Trang\_thai | tinyint | Trạng thái của sản phẩm |

### 3.3.1.11. Bảng tài khoản

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| 1 | id | Int(KEY) | Id của bảng tai\_khoans |
| 2 | Ho\_ten | Varchar (255) | Nơi nhập họ tên |
| 3 | Anh\_dai\_dien | Varchar (255) | Nơi nhập ảnh đại diện |
| 4 | Ngay\_sinh | date | Nơi nhập ngày sinh |
| 5 | email | Varchar (255) | Nhập email |
| 6 | So\_dien\_thoai | Varchar (10) | Nhập số điện thoại |
| 7 | Gioi\_tinh | tinyint | Chọn giới tính |
| 8 | Dia\_chi | Text | Nhập địa chỉ |
| 9 | Mat\_khau | Varchar (255) | Nhập mật khẩu |
| 10 | Chuc\_vu\_id | int | liên kết đến bảng chuc\_vus |
| 11 | Trang\_thai | tinyint | Trạng thái của tài khoản |

### 3.3.1.12. Bảng trạng thái đơn hàng

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| 1 | id | Int(KEY) | Id bảng trang\_thai\_don\_hangs |
| 2 | Ten\_trang\_thai | Varchar (255) | Tên của trạng thái |

CHƯƠNG 4: KIỂM THỬ - TRIỂN KHAI HỆ THỐNG

# 4.1. Kiểm thử hệ thống

- Test case: Chức năng đăng nhập

+ Đăng nhập với tài khoản đã tạo

A screenshot of a login form

Description automatically generated

+ Khi đăng nhập thành công chuyển hướng tới trang chủ

A screenshot of a computer

Description automatically generated

+ Tài khoản hoặc mật khẩu sai sẽ không thể đăng nhập

A screenshot of a computer

Description automatically generated

# 4.2. Triển khai hệ thống

4.2.1 Yêu cầu phần cứng – phần mềm

4.2.2 Hướng dẫn cài đặt

< Ngành web phần cài đặt đưa cách up lên hosting, domain và thông tin tài khoản

mặc định (nếu có )>

KẾT LUẬN

# Thời gian phát triển dự án

* Thời gian dự kiến hoàn thành dự án trong khoảng hơn 1 tháng

# Mức độ hoàn thành dự án

**Chức năng** **Trạng thái** **Tỉ lệ hoàn thành**

Đăng nhập, đăng xuất Đã hoàn thành 100%

Quản trị danh mục Đã hoàn thành 100%

Quản trị sản phẩm Đã hoàn thành 100%

Quản trị tài khoản Đã hoàn thành 100%

Quản trị bình luận Đã hoàn thành 100%

Quản trị đơn hàng Đã hoàn thành 100%

# Những khó khăn rủi ro gặp phải và cách giải quyết

* Khó khăn:

+ Thiếu kinh nghiệm trong công nghệ sử dụng.

+ Thời gian làm việc hạn chế

+ Thiếu tài liệu hướng dẫn cụ thể

* Cách giải quyết:

+ Tham khảo ý kiến giảng viên và các chuyên gia

+ Tìm kiếm và sử dụng tài liệu từ nhiều nguồn

* Bài học rút ra:

+ Hiểu rõ hơn về quy trình phát triển website

+ Học hỏi được nhiều kĩ năng mới và kỹ năng giải quyết vấn đề

# Kế hoạch phát triển trong tương lai

* Nâng cao hiệu suất và tối ưu hóa phần mềm

## Phát triển các tính năng mới dựa trên phản hồi của người dùng